

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thúy Lành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Duy Bình

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Bạch Thị D**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu vực Long Thành 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp Ông Hiếu, xã Thạnh Phú, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Bà D có mặt, ông L vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bạch Thị D trình bày:*

Bà Bạch Thị D và ông Phạm Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 31/02/2012 tại UBND phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Phạm Thành Đạt, sinh ngày 09/3/2012. Về sau ông L thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ với vợ con. Hiện nay

vợ chồng bà đã sống ly thân nhiều năm. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: Bà D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Phạm Thành Đạt, sinh ngày 09/3/2012 và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà D rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xã Thạnh Phú, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Ông Phạm Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L.

[3] Về hôn nhân giữa bà D với ông L: Bà D cho rằng hôn nhân giữa bà và ông L không hạnh phúc, tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bà D không còn tình cảm với ông L, vợ chồng hiện đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không tham gia hòa giải, không có văn bản thể hiện ý kiến. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân là sự tự nguyện gắn kết từ hai phía, bà D và ông L sống ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm chăm sóc nhau, không có sự gắn kết gia đình. Bà D không còn tình cảm với ông L, ông L cũng không có ý kiến thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà D. Do đó yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông L được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà D và ông L có 01 con chung tên Phạm Thành Đạt, sinh ngày 09/3/2012. Khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Do ông L không có ý kiến, mặt khác, con chung sống với bà D từ nhỏ và có ý kiến muốn được sống với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà D.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết. Ông L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Thị D về việc “Ly hôn” với ông Phạm Văn L.

1.1. Về hôn nhân: Bà Bạch Thị D được ly hôn với ông Phạm Văn L.

1.2. Về con chung: Giao con Phạm Thành Đạt cho bà Bạch Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét trong vụ án này.

**2.** Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bạch Thị D phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số 0011006 ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa sang thi hành án phí. Bà D không phải nộp thêm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hoá;
- UBND phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thúy Lành**





